

Số: 2848/KH-UBND

Tràng Định, ngày 18 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”
trên địa bàn huyện Tràng Định

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” (sau đây viết tắt là *Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW*); Kế hoạch số 230-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy Lạng Sơn về triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 390-KH/HU ngày 13/5/2025 của Huyện ủy Tràng Định về triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn huyện Tràng Định. UBND huyện Tràng Định xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” đến cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia đầy đủ vào tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Triển khai sâu rộng Phong trào “*Bình dân học vụ số*” nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hàng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại.

Nâng cao vai trò trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Phong trào, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của huyện.

2. Yêu cầu

Phong trào “*Bình dân học vụ số*” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, khu phố tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số. Cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu thực hiện phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

Thực hiện bài bản, linh hoạt và sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn huyện. Phát huy cao độ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nhằm kiến tạo hệ sinh thái học tập số đa dạng, phong phú. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế, người dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Triển khai nhanh, rộng khắp, bao trùm, có tính hệ thống, gắn kết, hoàn thành sớm. Tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, giúp người dân kết nối, tương tác và phát triển kỹ năng số để sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, hình thành thói quen và văn hóa trong môi trường số.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực chất. Kết quả của Phong trào phải được đo lường bằng sự thay đổi căn bản về năng lực số của người dân, thúc đẩy kinh tế số, xây dựng chính quyền số, xã hội số.

Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO

1. Tuyên truyền, phổ biến, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Phối hợp xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với phương châm “*không ai bị bỏ lại phía sau*” và “*người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số*”.

3. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công; tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, người lao

động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Thi đua tự học về chuyển đổi số, rèn luyện phát triển kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; khai thác có hiệu quả dịch vụ, nền tảng số, các công nghệ số, nhất là trí tuệ nhân tạo trong công việc và cuộc sống; xây dựng đơn vị số, cộng đồng số, gia đình và công dân số.

5. Lòng ghép thực hiện Phong trào vào các kế hoạch, chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện và các xã sau sát nhập.

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Năm 2025

a) 80% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh trung học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

c) 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.

d) 60% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VneID.

đ) 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

2. Năm 2026

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

c) 100% người dân trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.

d) 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

đ) 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông và tuyên truyền

1.1. Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của huyện, xã và các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

1.2. Huy động những người có ảnh hưởng trong cộng đồng tham gia truyền thông, lan tỏa Phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “*Bình dân học vụ số*”. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong tiến trình chuyển đổi số.

1.3. Phối hợp cung cấp thông tin về Phong trào “*Bình dân học vụ số*” của huyện, xã sau sát nhập trên cổng thông tin về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh tới đông đảo người dân với nhiều phương thức khác nhau.

1.4. Triển khai “*Ngày hội toàn dân học tập số*” vào ngày 10/10 hàng năm; kết hợp giữa hoạt động trực tuyến và trực tiếp như tổ chức tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

2. Thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh

2.1. Triển khai, áp dụng khung kỹ năng số và hướng dẫn đánh giá xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho các nhóm đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước; học sinh; người lao động trong các doanh nghiệp và người dân.

2.2. Phát động thi đua lập thành tích trong Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn huyện và các xã sau sát nhập.

2.3. Phối hợp nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh và triển khai áp dụng cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

3. Triển khai thực hiện chương trình phổ cập kỹ năng số

3.1. Triển khai các chương trình phổ cập kỹ năng số phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3.2. Tiếp nhận và chuyển tiếp các tài liệu, bài giảng cho từng chương trình phổ cập đa dạng về thể loại (*văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bài trình chiếu...*) triển khai cho cả người dạy và người học với nhiều hình thức khác nhau.

4. Ứng dụng các nền tảng

4.1. Khai thác và hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân sử dụng hiệu quả nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (*MOOCs*) “*Bình dân học vụ số*” để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng trên địa bàn huyện, xã sau khi sáp nhập.

4.2. Phối hợp, triển khai, tổ chức vận hành và duy trì nền tảng tích hợp với VNeID để tuyên truyền về chuyển đổi số, định danh, xác thực người học, phục vụ đào tạo, đánh giá, xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số, năng lực số theo hướng tự động.

4.3. Triển khai ứng dụng và duy trì các dịch vụ, nền tảng số thuộc các lĩnh vực, ngành nghề để người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số.

4.4. Triển khai ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

5. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

5.1. Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước

a) Phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

b) Lồng ghép, đưa nội dung chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước theo quy định.

5.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh

a) Phối hợp triển khai tích hợp giáo dục kỹ năng số cho học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

b) Triển khai thực hiện chương trình “*Học từ làm việc thực tế*”, phối hợp liên kết các Trường Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Phối hợp đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số của ngành.

d) Phát huy vai trò của học sinh trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

5.3. Phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

b) Cử tham gia đào tạo và phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, hướng dẫn người lao động về cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm, các kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

5.4. Phổ cập kỹ năng số cho người dân

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân trên địa bàn. Tập trung vào các nội dung thiết thực, có thể áp dụng ngay, gắn với triển khai các kế hoạch về chuyển đổi số. Khuyến khích người dân tham gia học tập kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

b) Thôn, khu phố phối hợp với tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, doanh nghiệp công nghệ số cử người có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số.

c) Phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức các lớp học “*Bình dân học vụ số*” cho người cao tuổi về sử dụng internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

d) Phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Hỗ trợ truy cập trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật.

đ) Hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo đảm người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số thu hẹp khoảng cách số với thành thị.

6. Triển khai các mô hình, lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

6.1. Mạng lưới “Đại sứ số”: Phát triển mạng lưới “*Đại sứ số*” trên địa bàn huyện và các xã sau sáp nhập để phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng qua mô hình người hướng dẫn (mentor)- người học (mentee). Mỗi “mentor” hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 “mentee”. Mỗi xã bố trí ít nhất một nhân sự hỗ trợ,

hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng không đủ kỹ năng thao tác trên cổng dịch vụ công trực tuyến.

6.2. Phong trào “Gia đình số”: Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình.

6.3. Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (*Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số*), giúp người học nắm vững các kỹ năng, sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh.

6.4. Mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi trở lên có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số.

6.5. Mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy cao vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*” với phương châm “*đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người*”, nhất là ở vùng nông thôn, những nơi có điều kiện khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

6.6. Chiến dịch thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn trên địa bàn huyện và các xã sau sáp nhập thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng, tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Phong trào được bố trí trong kinh phí thực hiện các chương trình, đề án của Trung ương và của tỉnh, huyện về chuyển đổi số, từ nguồn ngân sách Nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan đã được phê duyệt; huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của Nhà nước, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HDND & UBND huyện

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy, Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các

đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: 4.1, 4.2, mục 4, phần IV; 6.4, mục 6, phần IV.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm an ninh mạng, an ninh hệ thống thông tin trong quá trình triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trong ngành Công an trên địa bàn huyện theo hướng dẫn của Công an tỉnh.

2. Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: 1.3, 1.4, mục 1, phần IV; 2.1, mục 2, phần IV; 4.4, mục 4, phần IV.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối internet để thực hiện Phong trào.

- Xây dựng kế hoạch tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Phong trào.

- Tham mưu lồng ghép thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*” vào các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của huyện.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy, Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp: 3.1, 3.2, mục 3, phần IV.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trong ngành giáo dục và đào tạo.

4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Chủ trì với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp: mục 5.2, phần IV.

5. Phòng Nội vụ huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp: 2.2, mục 2, phần IV; c, 5.1, mục 5, phần IV.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin tổ chức triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” cho nhóm đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực công.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trong ngành nội vụ.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ 2.3, mục 2, phần IV.

7. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Phong trào phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích triển khai các mô hình, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào “*Bình dân học vụ số*” vào các chương trình, kế hoạch...

Trên đây là kế hoạch triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn huyện Trảng Định. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn tham mưu triển khai thực hiện đạt kết quả./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, các Phó CVP HĐND&UBND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các doanh nghiệp bưu chính - viễn thông;
- Trang TTĐT huyện (đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Quang Khải